TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-PT
Ngày 04-5-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

Các Thẩm phán:

1. Bà **Đặng Thị Đồng**;

2. Bà **Phạm Thị Thanh Giang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Thái Công Hậu**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Hứa Thị Kim Ngân**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 4 và ngày 04 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 01 năm 2019, về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"; do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trương Bá K**, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp An T, xã An T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh; *có mặt.*

Bị đơn:

1. Anh **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1980; cư trú tại: Đường nối liền lộ 6, khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh; *có mặt*.

2. Chị **Nguyễn Minh T2**, sinh năm 1981; thường trú tại: Đường nối liền lộ 6, khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Ấp L, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh; *có mặt*.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Minh T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Bá K trình bày:

Anh được cấp giấy phép kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.... *(gọi tắt là vật tư nông nghiệp)*. Từ năm 2006 đến năm 2016, anh bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng anh Nguyễn Ngọc N, chị Nguyễn Minh T2 (do anh N đứng tên giấy phép kinh doanh) để anh N, chị T2 bán lại kiếm lời, hình thức mua bán là gối đầu *(khoảng 03 đến 06 tháng hoặc đến cuối vụ thanh toán)*.

Trong thời gian đầu anh N thanh toán đầy đủ nhưng đến năm 2015 anh N, chị T2 nợ anh K số tiền 1.380.987.000 đồng. Ngày 29-3-2015, anh N thế chấp cho anh K phần đất có diện tích 317,5 m^2, thửa đất số 120, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh *(nhưng chưa được chứng thực cơ quan có thẩm quyền)*. Sau khi nhận thế chấp giấy đất, anh tiếp tục bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng anh N, chị T2. Tính đến tháng 11 năm 2016, vợ chồng anh N, chị T2 còn nợ anh tổng số tiền 2.558.337.000 đồng.

Nay anh yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Ngọc N và chị Nguyễn Minh T2 cùng có nghĩa vụ thanh toán *(trả)* cho anh số tiền 2.558.337.000 *(hai tỷ, năm trăm năm mươi tám triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn)* đồng. Anh không yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp *(anh K đồng ý trả lại cho anh N, chị T2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh N đã thế chấp)*.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc N trình bày: Anh N xác nhận lời trình bày của anh K là đúng. Anh N đồng ý có nghĩa vụ thanh toán *(trả)* cho anh K số tiền còn nợ là 2.558.337.000 *(hai tỷ, năm trăm năm mươi tám triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn)* đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Minh T2 trình bày: Chị không đồng ý cùng anh N có trách nhiệm trả cho anh K số tiền 2.558.337.000 *(hai tỷ, năm trăm năm mươi tám triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn)* đồng; vì chị không biết và không trực tiếp tham gia giao dịch, mua vật tư nông nghiệp của anh K và anh N cũng không chăm lo gì cho vợ con, không vì lợi ích phát triển kinh tế gia đình nên chị không đồng ý có nghĩa vụ cùng anh N trả số tiền nợ trên cho anh K.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 24, Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 25, Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/BTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu thanh toán hợp đồng mua bán hàng hóa của anh Trương Bá K đối với anh Nguyễn Ngọc N và chị Nguyễn Minh T2.

Buộc anh Nguyễn Ngọc N và chị Nguyễn Minh T2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Trương Bá K số tiền 2.558.337.000 *(hai tỷ, năm trăm năm mươi tám triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn)* đồng.

Ghi nhận anh Trương Bá K không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phần đất có diện tích 317,5 m^2, thuộc thửa 120, tờ bản đồ số 45; tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH06307 ngày 27-11-2011 do Uỷ ban nhân dân huyện B cấp cho anh Nguyễn Ngọc N và chị Nguyễn Minh T2. Anh K đồng ý trả lại cho anh N, chị T2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH06307 ngày 27-11-2011 do Uỷ ban nhân dân huyện B cấp cho anh N, chị T2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07-11-2018, chị Nguyễn Minh T2 có đơn kháng cáo, với nội dung: Chị không đồng ý cùng anh Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của anh Trương Bá K, vì chị không biết việc anh N mua bán vật tư nông nghiệp với anh K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Do cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Minh T2 không đồng ý cùng anh Nguyễn Ngọc N (chồng chị T2) có nghĩa vụ thanh toán (trả) nợ cho anh Trương Bá K. Chị T2 cho rằng do mâu thuẫn với gia đình anh N nên từ năm 2009 chị T2 đã về sống tại nhà mẹ ruột chị T2 cho đến nay; anh N cùng với ông Nguyễn Ngọc N1 (cha ruột anh N) và anh Nguyễn Quốc K1 (em ruột anh N) là những người trực tiếp mua bán, nhận hàng hóa với anh K. Đồng thời, chị T2 đề nghị Tòa án đưa ông N1 và anh K1 tham gia tố tụng với tư cách là đồng bị đơn, vì tại "Giấy cộng sổ chốt nợ ngày 28-3-2018" (bút lục 89) do anh K cung cấp thể hiện: "2015 còn 1.380.987.000", "2016 còn 1.177.350.000", "Tcộng còn: 2.558.337.000" chị T2 không ký tên xác nhận nợ nhưng thể hiện chữ ký của ông N1 và anh K1, cụ thể: "... Xác nhận: Tôi Nguyễn Ngọc N1 là cha của Nguyễn Ngọc N có mua bán vật tư với Trương

Bá K và hiện còn nợ số tiền như trên"; "....Xác nhận: Tôi Nguyễn Quốc K1 là em của Nguyễn Ngọc N có mua bán vật tư với Trương Bá K và hiện còn nợ lại số tiền như trên".

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N, anh K đều trình bày cho rằng ông N1 là người bảo lãnh cho anh N để mua vật tư nông nghiệp của anh K bán lại kiếm lời.

Xét thấy, cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ "Giấy cộng sổ chốt nợ ngày 28-3-2018" (bút lục 89) do ai viết, viết vào thời gian nào, lý do viết giấy nhận nợ này. Đồng thời, cần thu thập chứng cứ, làm rõ việc ông N1 và anh K1 có hay không có trực tiếp tham gia cùng vợ chồng anh N, chị T2 thực hiện việc mua bán vật tư nông nghiệp với anh K. Cần thu thập chứng cứ làm rõ người trực tiếp giao nhận hàng hóa, số lượng, đơn giá, ngày mua hàng hóa, đã thanh toán và số tiền còn nợ lại; cụ thể từng khoản nợ và ai là người nhận nợ. Xác minh làm rõ tình trạng quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị T2, anh N; chị T2 có biết việc anh N kinh doanh vật tư nông nghiệp với anh K không và lợi ích từ việc kinh doanh này có nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình anh N, chị T2 hay không; xác định nghĩa vụ nợ chung hay nợ riêng của từng người.... để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Ngoài ra, chị T2 đề nghị Tòa án đưa ông N1 và anh K1 tham gia tố tụng và tại Biên bản lời khai của chị H1 (vợ anh K) và anh K (bút lục 217, 218, 220, 221) thể hiện: Chị H1 là người trực tiếp bán hàng hóa cho anh N nhưng cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ và đưa chị Nguyễn Thụy H1 (vợ anh K), ông Nguyễn Ngọc N1 (cha ruột anh N) và anh Nguyễn Quốc K1 (em ruột anh N) tham gia tố tụng trong vụ án này là thiếu sót. Để bảo đảm quyền, nghĩa vụ và không ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định nên cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và đưa thiếu người tham gia tố tụng mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm vụ án.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên chị Nguyễn Minh T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Hủy Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh. Chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Chị Nguyễn Minh T2 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho chị T2 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí chị Tuyền đã nộp theo Biên lai thu số: 0016517 ngày 07-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm vụ án.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn